

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKTNA ngày 15 tháng 05 năm 2020 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình : **Bác sĩ Thú y**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Thú y**  
Mã số : **7640101**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ khoa học trình độ đại học có kiến thức cơ bản và chuyên môn vững chắc, có thái độ lao động nghiêm túc, có đạo đức nghề nghiệp tốt, có sức khoẻ; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong ngành chăn nuôi động vật nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể.

##### 1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng chuyên môn thú y vững vàng, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn sản xuất, nhu cầu xã hội, phát triển nghề nghiệp.

- Chẩn đoán được bệnh vật nuôi, phòng và điều trị bệnh, tổ chức kiểm soát dịch bệnh động vật.

##### 1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

- Giáo dục đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong điều trị và bảo vệ vật nuôi, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng và môi trường sinh thái.

##### 1.2.3. Về thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, yêu nghề, trung thực, có nếp sống lành mạnh, có ý thức phấn đấu vươn lên về mọi mặt, có quan hệ xã hội tốt và đúng mức, có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc khám, chữa bệnh, bảo vệ động vật, đảm bảo vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường.

##### 1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Tại các cơ quan quản lý và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp: Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Viện Chăn nuôi Quốc gia, Cục chăn nuôi, Viện thú y, Cục thú y, Trung tâm Chẩn đoán thú y trung ương, Trạm kiểm dịch động vật tại Cửa khẩu Quốc tế, các đầu mối giao thông, Các cơ sở kiểm soát giết mổ động vật, Kiểm tra vệ sinh Thú y, Sở Nông nghiệp các tỉnh, Chi cục thú y các

tỉnh, Phòng Nông nghiệp các huyện, Trạm thú y, Trạm khuyến nông...

- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm, hóa dược phục vụ thú y, doanh nghiệp tổ chức nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ngành thú y: thuốc thú y, vacxin, bao bì thuốc, các dụng cụ phục vụ cho khám và điều trị bệnh cho vật nuôi.

- Giảng dạy tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trường Dạy nghề; Trung học phổ thông, Tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ có liên quan đến quản lý nông nghiệp và chuyển giao kỹ thuật thú y, các tổ chức triển khai thực hiện các dự án về giám sát, phòng và chống các bệnh động vật; kiểm dịch các sản phẩm động vật, đảm bảo vệ sinh an toàn các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật.

- Các trang trại, công viên, vườn thú, các trạm kiểm dịch động vật tại các sân bay, cửa khẩu, trạm kiểm dịch trên địa bàn các xã, huyện, tỉnh.

- Có khả năng độc lập trong việc thành lập các Bệnh viện thú cảnh, phòng khám và chữa bệnh cho động vật cảnh (chó, mèo,...)

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Về kiến thức**

#### **2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương**

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành Thú y. Biết vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất, tin học đại cương, tiếng Anh... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

#### **2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành**

Có kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể vật nuôi; sinh lý chức năng của các tổ chức, cơ quan trong cơ thể; khả năng đề kháng của cơ thể khi có mầm bệnh xâm nhập; tính chất, tác dụng và cách sử dụng thuốc thú y...

#### **2.1.3. Kiến thức ngành**

- Có kiến thức sâu rộng về chuyên môn: quá trình bệnh lý khi vật nuôi mắc bệnh; các bệnh nội khoa, bệnh ngoại khoa, bệnh sản khoa, bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, ...và các phương pháp chẩn đoán, phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi.

- Độc lập nghiên cứu chuyên sâu về thú y, các quy trình phân lập vi khuẩn, virut trong chẩn đoán bệnh.

- Ứng dụng tốt kiến thức trong thực tiễn sản xuất, trong tổ chức - quản lý cơ sở, trang trại và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc thú y.

### **2.2. Về kỹ năng**

#### **2.2.1. Kỹ năng cứng**

- Xây dựng và đảm nhận tốt chương trình quản lý dịch bệnh trong chăn nuôi, thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp: nguyên tắc sử dụng các loại thuốc thú y; vi sinh vật và truyền nhiễm; chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh: truyền nhiễm, bệnh nội khoa, bệnh sản khoa, bệnh ngoại khoa... và kiểm soát, khống chế bệnh tật ở cơ sở sản xuất, các trang trại chăn nuôi.

- Nghiên cứu và chuyển giao các kỹ thuật và công nghệ ngành thú y vào thực tiễn sản xuất, chế tạo ra các kit chẩn đoán, các loại vacxin, thuốc thú y để chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi có hiệu quả.

- Tổ chức quản lý điều hành một đơn vị sản xuất (trang trại, doanh nghiệp): quản lý và điều hành các kỹ thuật sử dụng thuốc, vacxin trong phòng, điều trị bệnh

cho vật nuôi. Sử dụng các sản phẩm thú y để nâng cao tỷ lệ tiêu hóa, hấp thu, nâng cao năng suất sinh sản, khả năng đề kháng và tăng trọng ở vật nuôi.

- Dạy nghề: sử dụng thuốc thú y; phòng và điều trị các bệnh thường gặp ở gia súc, gia cầm.

- Phát hiện ra các vấn đề, hướng giải quyết các vấn đề, đặt ra tình huống chuyên môn.

- Nghiên cứu các ứng dụng, kiến thức mới trong lĩnh vực thú y.

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

- Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo; kỹ năng giao tiếp.

- Năng động, nhiệt tình; có đủ năng lực, trình độ để quản lý kỹ thuật thú y tại các công ty sản xuất thuốc thú y, tại các địa phương và trang trại chăn nuôi; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Làm việc độc lập và làm việc nhóm.

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thú y và các vấn đề liên quan đến ngành chăn nuôi thú y.

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thú y.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chăn nuôi thú y thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật của ngành thú y.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn chăn nuôi thú y ở quy mô trung bình.

## **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 153 tín chỉ**

*(Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).*

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.

## **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4,5 năm gồm 9 học kỳ. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Văn bản số 17/ 2014/VBHN - BGDDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định

159/ĐHKTNA- ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An.

## **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đã tích lũy đủ các tiêu chuẩn theo Văn bản số 17/ 2014/VBHN - BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 159/ĐHKTNA- ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An. Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Nhà trường.

## **6. Cách thức đánh giá**

- Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành theo Văn bản số 17/ 2014/VBHN - BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế 43/2007 và thông tư 57/2012 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quyết định 159/ĐHKTNA- ĐT ngày 10/10/2014 về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ ở trường Đại học kinh tế Nghệ An. Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4,5 năm gồm 9 học kỳ. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp.

Việc đánh giá và xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

<b>Loại</b>	<b>Điểm</b>	<b>Loại</b>
Đạt	A (Từ 8,5 đến 10)	Giỏi
	B (Từ 7,0 đến dưới 8,5)	Khá
	C (Từ 5,5 đến dưới 7,0)	Trung bình
	D (Từ 4,0 đến dưới 5,5)	Trung bình yếu
Không đạt	F (Dưới 4,0)	Kém

## 7. Nội dung chương trình

TT	Học phần	Số TC	Tiết LT	Tiết TH	Tổng
<b>7.1 Kiến thức giáo dục đại cương</b>					
1	Triết học Mác - Lênin	3	45		45
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		30
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		30
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		30
6	Pháp luật đại cương	3	45		45
7	Văn bản trong quản lý	3	45		45
8	Tiếng Anh 1	3	45		45
9	Tiếng Anh 2	4	60		60
10	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30		30
11	Hóa học phân tích	2	30		30
12	Sinh học đại cương	2	30		30
13	Toán cao cấp	3	45		45
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45		45
15	Tin học đại cương	3	45		45
16	Hóa học hữu cơ	2	30		30
17	Giáo dục thể chất	3	9	72	81
18	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	4	90	75	165
19	Công nghệ sinh học đại cương	2	30		30
20	Hóa sinh động vật	2	30		30
21	Động vật học	2	26	10	36
22	Giải phẫu vật nuôi 1	3	39	10	49
23	Giải phẫu vật nuôi 2	2	28	5	33
24	Mô học 1	2	30		30
25	Mô học 2	2	28	5	33
26	Sinh lý động vật 1	2	28	5	33
27	Sinh lý động vật 2	3	39	10	49
28	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	39	10	49
29	Vi sinh vật đại cương	2	26	10	36
30	Dược lý học thú y	3	39	10	49
31	Miễn dịch học thú y	2	30		30
32	Bệnh lý thú y 1	2	30		30
33	Bệnh lý thú y 2	2	28	5	33
34	Vi sinh vật thú y 1	2	26	10	36
35	Vi sinh vật thú y 2	2	26	10	36
36	Độc chất học thú y	2	28	5	33
37	Dược liệu học thú y	2	28	5	33
38	Hóa sinh đại cương	2	30		30

	<b>Tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>				
39	Văn hóa kinh doanh	2	30		30
	Maketing căn bản	2	30		30
<b>7.2 Kiến thức ngành</b>					
<b>7.2.1 Bắt buộc</b>					
40	Chẩn đoán bệnh thú y	3	39	10	49
41	Dịch tễ học thú y	3	39	10	49
42	Bệnh nội khoa thú y 1	2	26	10	36
43	Bệnh nội khoa thú y 2	2	26	10	36
44	Bệnh truyền nhiễm thú y 1	3	39	10	49
45	Bệnh truyền nhiễm thú y 2	2	26	10	36
46	Ký sinh trùng thú y 1	2	26	10	36
47	Ký sinh trùng thú y 2	3	39	10	49
48	Bệnh ngoại khoa thú y	3	39	10	49
49	Sinh sản gia súc 1	3	39	10	49
50	Sinh sản gia súc 2	2	26	10	36
51	Vệ sinh thú y	3	39	10	49
52	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	2	26	10	36
53	Luật thú y và Kiểm nghiệm thú sản	3	39	10	49
54	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	30		30
<b>7.2.2 Tự chọn (chọn 4 trong 9 HP theo các nhóm sau đây)</b>					
55	Chăn nuôi lợn	2	26	10	36
56	Nấm và bệnh do nấm gây ra	2	30		30
57	Chăn nuôi trâu bò	2	26	10	36
58	Chăn nuôi gia cầm	2	26	10	36
59	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	2	30		30
60	Bệnh của động vật hoang dã	2	30		30
61	Bệnh chó mèo	2	30		30
62	Dược lý học lâm sàng	2	30		30
63	Thiết kế thí nghiệm	2	30		30
<b>7.3 Kiến thức bổ trợ</b>					
64	Tiếng La tinh	2	30		30
65	Bệnh học thủy sản	3	39	10	49
<b>7.4 Thực tập nghề nghiệp</b>					
66	Thực hành nghề thú y	3	0	135	135
67	Thực tập giáo trình truyền nhiễm	1	0	45	45
68	Thực tập giáo trình KNTS và ATVSTP	1	0	45	45
69	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận	10	0	450	450
<b>7.5 Học phần thay thế thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận</b>					
70	Quyền lợi động vật	2	30		30
71	Chọn giống vật nuôi	2	30		30
72	Chẩn đoán hình ảnh	2	30		30
73	Châm cứu thú y	2	30		30

74	Miễn dịch học ứng dụng	2	30		30
<b>Tổng</b>		<b>153</b>			

**8. Phân bổ kế hoạch đào tạo** (Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng bổ trí học tùy theo điều kiện thực tế).

TT	Học phần	Số TC	TC LT	TC TH	Tiết LT	Tiết TH	Tổng
<b>Kỳ 1</b>							
1	Triết học Mác Lênin	3	3		45		<b>45</b>
2	Văn bản trong quản lý	3	3		45		<b>45</b>
3	Toán cao cấp	3	3		45		<b>45</b>
4	Pháp luật đại cương	3	3		45		<b>45</b>
5	Tiếng Anh 1	3	3		45		<b>45</b>
6	Tin học đại cương	3	3		45		<b>45</b>
7	Sinh học đại cương	2	2		30		<b>30</b>
8	Hoá phân tích	2	2		30		<b>30</b>
	<b>Cộng kỳ 1</b>	<b>22</b>					
<b>Kỳ 2</b>							
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		30		<b>30</b>
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		45		<b>45</b>
3	Công nghệ sinh học đại cương	2	2		30		<b>30</b>
4	Tiếng Anh 2	4	4		60		<b>60</b>
5	Tiếng La tinh	2	2		30		<b>30</b>
6	Hoá hữu cơ	2	2		30		<b>30</b>
7	Động vật học	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
8	Hoá sinh đại cương	2	2		30		<b>30</b>
	<b>Cộng kỳ 2</b>	<b>19</b>					
<b>Kỳ 3</b>							

1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		<b>30</b>
2	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2		30		<b>30</b>
3	Vi sinh vật đại cương	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
4	Mô học 1	2	2		30		<b>30</b>
5	Mô học 2	2	1,8	0,2	28	5	<b>33</b>
6	Hoá sinh động vật	2	2		30		<b>30</b>
7	Giải phẫu vật nuôi 1	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
8	Giải phẫu vật nuôi 2	2	1,8	0,2	28	5	<b>33</b>
9	Sinh lý động vật 1	2	1,8	0,2	28	5	<b>33</b>
	<b>Cộng kỳ 3</b>	<b>19</b>					
<b>Kỳ 4</b>							
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		<b>30</b>
2	Sinh lý động vật 2	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
3	Dược lý học thú y	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
4	Miễn dịch thú y	2	2		30		<b>30</b>
5	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
6	Vi sinh vật thú y 1	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
7	Bệnh lý thú y 1	2	2		30		<b>30</b>
8	Vi sinh vật thú y 2	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
	<b>Cộng kỳ 4</b>	<b>19</b>					
<b>Kỳ 5</b>							
1	Chẩn đoán bệnh thú y	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
2	Dược liệu thú y	2	1,8	0,2	28	5	<b>33</b>
3	Bệnh lý thú y 2	2	1,8	0,2	28	5	<b>33</b>
4	<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>						
	- Nấm và bệnh do nấm	2	2		30		<b>30</b>
	- Chăn nuôi lợn	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>



5	Sinh sản gia súc 1	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		<b>30</b>
7	Độc chất học thú y	2	1,8	0,2	28	5	<b>33</b>
8	Dịch tễ học thú y	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
	<b>Cộng kỳ 5</b>	<b>19</b>					
<b>Kỳ 6</b>							
1	Ký sinh trùng thú y 1	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
2	Bệnh nội khoa thú y 1	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
3	Bệnh truyền nhiễm thú y 1	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
	<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>						
4	- Văn hoá kinh doanh	2	2		30		<b>30</b>
	- Marketing căn bản	2	2		30		<b>30</b>
5	Ký sinh trùng thú y 2	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
6	Bệnh nội khoa thú y 2	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
	<b>Cộng kỳ 6</b>	<b>14</b>					
<b>Kỳ 7</b>							
1	Vệ sinh thú y	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
2	Bệnh ngoại khoa thú y	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
	<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>						
3	- Chăn nuôi trâu, bò	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
	- Thiết kế thí nghiệm	2	2		30		<b>30</b>
4	Bệnh truyền nhiễm thú y 2	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
5	Sinh sản gia súc 2	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
6	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	2		30		<b>30</b>
7	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
	<b>Cộng kỳ 7</b>	<b>16</b>					
<b>Kỳ 8</b>							

1	Luật thú y và kiểm nghiệm thú sản	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
2	Bệnh học thuỷ sản	3	2,7	0,3	39	10	<b>49</b>
<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>							
3	- Chăn nuôi gia cầm	2	1,7	0,3	26	10	<b>36</b>
	- Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	2	2		30		<b>30</b>
4	Thực hành nghề Thú y	3		3		135	<b>135</b>
5	Thực tập giáo trình Truyền nhiễm	1		1		45	<b>45</b>
6	Thực tập giáo trình KNTS và VSATTP	1		1		45	<b>45</b>
<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)</b>							
7	Bệnh của động vật hoang dã	2	2		30		<b>30</b>
	Bệnh chó mèo	2	2		30		<b>30</b>
	Dược lý học lâm sàng	2	2		30		<b>30</b>
	<b>Cộng kỳ 8</b>	<b>15</b>					
<b>Kỳ 9</b>							
1	Thực tập tốt nghiệp	10		10		450	<b>450</b>
	<b>Cộng kỳ 9</b>	<b>10</b>		<b>10</b>		<b>450</b>	<b>450</b>
	<b>Tổng</b>	<b>153</b>					

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 153 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 9 học kỳ (4,5 năm học);

- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

**HIỆU TRƯỞNG**